TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **85/**2023/HNGĐ
Ngày: 04/8/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Vụ
2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP.Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo "Quyết định đưa vụ án ra xét xử" số 138/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và "Thông báo thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng và thời gian mở lại phiên toà" số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H , sinh năm 1988 *(Vắng mặt)*
HKTT: Cốc Hạ …, đường HN, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH
Nơi ở hiện tại: SN … PM, xã BK, thị xã ĐT, tỉnh QN

- Bị đơn: Anh Trần Văn H , sinh năm 1980 *(Vắng mặt)*
HKTT và nơi ở hiện tại: Cốc Hạ …, đường HN, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị Hậu trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được, thời gian ly thân quá lâu, tình cảm không còn nên không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn H

Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Trần Quang H , sinh ngày 30/11/2008 và Trần Quang H , sinh ngày 28/02/2013. Từ khi vợ chồng ly thân các con ở với bố vì anh H không cho chị đưa con đi theo. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Trần Quang H , anh H trực tiếp nuôi Trần Quang H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Trường hợp các con muốn được ở cùng nhau và xin ở với bố thì chị cũng đồng ý. Vì thời gian các con ở với anh H chị thấy anh H chăm sóc cho các con ăn học đầy đủ, phát triển tốt; *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết

Về phía bị đơn Trần Văn H: Tại bản tự khai anh H khai thống nhất với lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn; Anh H cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019, đến nay tình cảm vợ chồng không còn song anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, khi nào con lớn sẽ ly hôn; *Về con chung:* Anh thống nhất có hai con chung như chị H trình bày, nếu phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung (vì lâu nay các con đang ở với anh, có cuộc sống ổn định, được chăm sóc ăn học đầy đủ); Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai hai cháu Quang H và Quang H đều có nguyện vọng xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 22/6/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương (phường Đông Hương, TP.Thanh Hóa) kết quả xác định: Sau khi kết hôn, chị H anh H chung sống tại phường Đông Hương, TP.Thanh Hóa; Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2019 anh chị sống ly thân; Anh chị có hai con chung là cháu Quang H và Quang H hiện đang sống cùng với bố; Về tài sản chung nợ chung của anh chị địa phương không rõ; Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ "Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải" cho anh H song anh H không có mặt tại phiên họp. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã "Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ" cho anh H , anh H không có ý kiến gì.

Ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa có "Quyết định đưa vụ án ra xét xử", quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho chị H anh H . Tại phiên tòa ngày 12/7/2023 chị H có mặt, anh H vắng mặt lần thứ nhất, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và "Thông báo thời gian mở lại phiên tòa" vào 07 giờ 30 phút ngày 04/8/2023, thông báo đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn H vắng mặt lần thứ hai; Chị Mai Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn chị H đồng thời xin giữ nguyên quan điểm ly hôn anh H ; về con chung chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ

khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX và chị H kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của anh H không đầy đủ quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227-BLTTDS xét xử vắng mặt chị H , anh H ; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H ; Giao hai con chung của chị H anh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con thành niên; Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên toà; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn; Nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP.Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H , anh H .

[2] *Về nội dung:*

[2.1]Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/4/2009, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị H xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H không thể khắc phục được; Cuộc sống chung không hạnh phúc; Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết ly hôn anh H . Về phía anh H , cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn tình cảm với nhau song anh H không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở và hoàn toàn tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 điều 56 - Luật HN&GĐ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H .

[2.2] Về con chung: Chị Mai Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Quang H , sinh ngày 30/11/2008 và Trần Quang H , sinh ngày 28/02/2013. Từ khi vợ chồng ly thân các con ở với anh H , được ăn học, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án cháu H và cháu H đều có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn; Về phía anh H cũng kiên quyết xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung; Bản thân Chị H cũng đồng ý để anh H trực tiếp nuôi hai con chung sau

khi ly hôn. Về phần cấp dưỡng, mặc dù anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con song chị H xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con thành niên.

Xét nguyện vọng trực tiếp nuôi con của anh H và nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là chính đáng, hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H , anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

***[3]** Về án phí:* Chị Mai Thị H là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị

Về hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị H ly hôn anh Trần Văn H

Về con chung: Giao hai cháu Trần Quang H , sinh ngày 30/11/2008 và cháu Trần Quang H , sinh ngày 28/02/2013 (con chung của chị H anh H) cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh H mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 8/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Mai Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003022 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị H , anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Hương, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Nga